

**BẢN MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC CHÍNH QUY
CHẤT LƯỢNG CAO (TIẾNG ANH BẢN PHẦN)**

(Ban hành theo Quyết định số 881/QĐ – ĐHNH ngày 4 tháng 5 năm 2022 của
Hiệu trưởng Trường Đại học Ngân hàng Tp. HCM)

1. Thông tin chung:

- Ngành đào tạo : QUẢN TRỊ KINH DOANH
- Trình độ đào tạo : Đại học
- Hình thức đào tạo : CHÍNH QUY TẬP TRUNG
- Đơn vị cấp bằng : Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM
- Tổng số lượng tín chỉ: 123

2. Mục tiêu chung của chương trình đào tạo

Sinh viên ngành Quản trị Kinh doanh tốt nghiệp có khả năng nắm vững kiến thức nền tảng về kinh tế, xã hội tổng quát, kiến thức chuyên sâu về quản trị kinh doanh và điều hành doanh nghiệp hiện đại. Có phẩm chất đạo đức tốt của người làm kinh doanh, quản trị. Có năng lực nghiên cứu giải quyết vấn đề và thực hành nghề nghiệp trong kinh doanh, quản trị điều hành hiệu quả trong kỷ nguyên cách mạng công nghệ số.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình (PLO)

TT	CHUẨN ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO	PHÂN LOẠI		Cấp độ chuẩn đầu ra của chương trình
		Tổng quát	Chuyên nghiệp	
PLO1	Khả năng vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên và khoa học xã hội trong lĩnh vực kinh tế	X		3
PLO2	Khả năng tư duy phản biện	X		3
PLO3	Khả năng tổ chức, làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong môi trường hội nhập quốc tế	X		4

PLO4	Thể hiện tính chủ động, tích cực trong học tập nghiên cứu, đáp ứng yêu cầu học tập suốt đời	X		3
PLO5	Thể hiện ý thức tuân thủ pháp luật, đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội	X		4
PLO6	Khả năng nhận diện, phân tích, vận dụng các kiến thức chuyên sâu về quản trị chiến lược, vận hành, marketing, kế toán, tài chính, dự án và chuỗi cung ứng nhằm giải quyết hiệu quả các vấn đề, phát triển giải pháp ứng dụng trong hoạt động quản trị kinh doanh.		X	4
PLO7	Khả năng vận dụng chuẩn mực đạo đức, giá trị văn hóa, kỹ năng giao tiếp, truyền thông và thấu hiểu hành vi tổ chức nhằm khai thác có hiệu quả nguồn lực con người và hình thành hành vi chuyên nghiệp trong hoạt động quản trị kinh doanh phù hợp bối cảnh quốc tế.		X	4
PLO8	Khả năng chủ động nghiên cứu, sáng tạo, phát triển ý tưởng khởi nghiệp; xây dựng, triển khai và đánh giá dự án kinh doanh.		X	5

4. Ma trận tích hợp chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và chuẩn đầu ra các môn học

Số TT	Tên môn học	PLO 1	PLO 2	PLO 3	PLO 4	PLO 5	PLO 6	PLO 7	PLO 8
1. Kiến thức đại cương									
1	Triết học Mác Lênin	X	X	X					
2	Kinh tế chính trị Mác Lênin	X	X	X					
3	Chủ nghĩa xã hội khoa học	X	X	X					
4	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	X	X	X					
5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	X	X	X					
6	Toán cao cấp 1	X	X				X		

7	Toán cao cấp 2	X	X				X		
8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	X	X				X		
9	Pháp luật đại cương	X	X				X		
10	Tâm lý học	X	X					X	
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp									
1	Kinh tế vi mô	X	X				X		
2	Kinh tế Vĩ mô	X	X				X		
3	Nhập môn ngành QTKD			X	X	X			
4	Nguyên lý kế toán	X				X	X		
5	Luật kinh doanh	X	X			X			
6	Nguyên lý Marketing	X		X	X				
7	Tin học ứng dụng			X	X				X
8	Kinh tế lượng	X	X						X
9	Quản trị học	X		X	X				
10	Lý thuyết TCTT			X			X		X
11	Tài chính doanh nghiệp			X			X		X
12	Kế toán tài chính				X	X	X		
13	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD			X	X			X	
14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	X	X		X				
15a	Hành vi khách hàng			X	X		X		
15b	Quản trị đổi mới và sáng tạo		X		X				X
15c	Hệ thống thông tin quản lý			X			X	X	
15d	Kế toán quản trị					X	X		X
16a	Giới thiệu kinh doanh số	X			X	X			
16b	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	X	X				X		

16c	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh			X			X		X
16d	Sáng tạo và thiết kế trong thời đại số			X			X		X
17	Truyền thông kinh doanh		X	X				X	
18	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp		X			X		X	
19	Quản trị vận hành		X		X		X		X
20	Quản trị chiến lược		X				X		X
21	Quản trị Marketing			X			X	X	
22	Quản trị nguồn nhân lực			X		X		X	
23a	Quản trị hiệu suất					X	X	X	
23b	Quản trị tài chính doanh nghiệp					X	X		X
24a	Quản trị dữ liệu					X	X		X
24b	Phân tích dữ liệu lớn					X	X		X
25	Hành vi tổ chức			X	X			X	
26	Lãnh đạo			X	X			X	
27	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số						X	X	X
28	Quản trị dự án						X	X	X
29	Quản trị chuỗi cung ứng				X		X		X
30a	Quản trị quan hệ khách hàng			X			X		X
30b	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa				X			X	X
31a	Marketing số				X		X		X
31b	Chiến lược kinh doanh số			X			X		X
32	Báo cáo thực tập tốt nghiệp						X	X	X
33	Khoá luận tốt nghiệp		X		X		X	X	X

5. Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp

Chương trình sẽ trang bị cho người học trở thành một chuyên gia trong thế giới kinh doanh thế kỷ 21. Sẵn sàng chinh phục các vai trò lãnh đạo và quản lý trong các tổ chức và kết nối với các đối tác trong ngành là trọng tâm của chương trình học, cho phép cập nhật xu hướng thị trường. Sinh viên sẽ có nhiều cơ hội để tương tác với doanh nghiệp, tập đoàn trong và ngoài nước ở các vị trí sau:

- Các vị trí nhân viên kinh doanh, chăm sóc khách hàng, nhân sự, hành chính, sản xuất, phân phối...(tại phòng Kế hoạch, phòng Tổ chức nhân sự, phòng Quản lý sản xuất, phòng Tài chính, phòng Kế toán, phòng Quản lý chất lượng, phòng Marketing, v.v.) trong các tổ chức trong nước và quốc tế.

- Sau khi tích lũy đủ kinh nghiệm, người học có khả năng đảm trách các vị trí cao hơn và có khả năng tự khởi nghiệp kinh doanh.

- Người học có khả năng tự học suốt đời để hoàn thiện bản thân và đáp ứng yêu cầu thực tế của công việc. Người học có thể học bổ sung một số học phần để đủ điều kiện nhận văn bằng cử nhân thứ hai tại một số ngành liên quan như Kinh tế - Tài chính - Ngân hàng, có thể học tiếp lên chương trình cao học trong nước và quốc tế về QTKD, hoặc chương trình cao học KT-TC-NH..... (sau khi học bổ sung một số môn chuyển đổi).

6. Khối lượng kiến thức toàn khoá

Tổng số tín chỉ của Chương trình đào tạo là 123 tín chỉ, cộng với học phần giáo dục thể chất (05 tín chỉ) và giáo dục quốc phòng – an ninh (08 tín chỉ). Bên cạnh đó, Chương trình đào tạo tăng cường gồm 08 tín chỉ kỹ năng mềm và tối đa 20 tín chỉ tiếng Anh tăng cường.

Các học phần giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng – an ninh được tính vào tổng số tín chỉ tích lũy, nhưng không tính vào điểm trung bình tích lũy học tập của sinh viên. Việc tích lũy đạt các học phần này là điều kiện để xét đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Điểm số của các học phần trong Chương trình giáo dục đại cương và chuyên nghiệp là căn cứ để tính điểm bình quân tích lũy và xếp hạng tốt nghiệp.

7. Đối tượng tuyển sinh

Có bằng tốt nghiệp trung học phổ thông hoặc tương đương theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

8. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

▪ Quy trình đào tạo

Quy trình đào tạo được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường Đại học Ngân hàng TP. HCM về đào tạo chất lượng cao trình độ đại học.

▪ Điều kiện tốt nghiệp

Điều kiện xét và công nhận tốt nghiệp được thực hiện theo Quy chế đào tạo đại học hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ tại Trường Đại học Ngân hàng TP.HCM. Ngoài ra để được xét công nhận tốt nghiệp, sinh viên thuộc chương trình đào tạo đại học chính quy chất lượng cao ngành Tài chính Ngân hàng phải đáp ứng thêm các điều kiện sau:

- Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

- Hoàn thành các học phần kỹ năng mềm và được cấp chứng chỉ theo quy định của Nhà trường;

- Hoàn thành các học phần tiếng Anh tăng cường theo quy định của Nhà trường;
Được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo quy định của Nhà trường.

9. Kết cấu và nội dung chương trình

9.1. Kết cấu chương trình đào tạo

STT	Khối kiến thức	Số học phần	Số tín chỉ	Tỷ lệ (%)
1	Giáo dục đại cương	10	22	17.87
2	Giáo dục chuyên nghiệp	32	101	82.11
2.1	Cơ sở ngành	17	47	38.21
2.2	Ngành	7	21	17.07
2.3	Chuyên ngành	9	33	26.83
	Tổng cộng	42	123	100.0%

9.2. Nội dung chương trình đào tạo

STT	TÊN HỌC PHẦN	Số tín chỉ
1.	Kiến thức giáo dục đại cương	

1.1	Triết học Mác - Lênin	3
1.2	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2
1.3	Chủ nghĩa xã hội	2
1.4	Lịch sử Đảng cộng sản Việt Nam	2
1.5	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2
1.6	Toán cao cấp 1	2
1.7	Toán cao cấp 2	2
1.8	Lý thuyết xác suất và thống kê toán	3
1.9	Pháp luật đại cương	2
1.10	Tâm lý học	2
1.11	Học phần Giáo dục thể chất 1	1
1.12	Học phần Giáo dục thể chất 2	1
1.13	Học phần Giáo dục thể chất 3	1
1.14	Học phần Giáo dục thể chất 4	1
1.15	Học phần Giáo dục thể chất 5	1
1.16	Giáo dục quốc phòng – an ninh	8
2. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp		
2.1. Kiến thức cơ sở ngành		
Học phần bắt buộc		
2.1	Kinh tế vi mô	3
2.2	Kinh tế Vĩ mô	3
2.3	Nhập môn ngành QTKD	2
2.4	Nguyên lý kế toán	3
2.5	Luật kinh doanh	3
2.6	Nguyên lý Marketing	3
2.7	Tin học ứng dụng	3
2.8	Kinh tế lượng	3
2.9	Quản trị học	3
2.10	Lý thuyết Tài chính - Tiền tệ	3
2.11	Tài chính doanh nghiệp	3
2.12	Kế toán tài chính	3
2.13	Tiếng Anh chuyên ngành QTKD	3
2.14	Phương pháp nghiên cứu khoa học	3
Học phần tự chọn kiến thức cơ sở ngành (Sinh viên lựa chọn 03 trong 04 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy)		
2.15a	Hành vi khách hàng	3
2.15b	Quản trị đổi mới và sáng tạo	3
2.15c	Hệ thống thông tin quản lý	3

2.15d	Kế toán quản trị	3
2.16a	Giới thiệu kinh doanh số	3
2.16b	Hệ thống hoạch định nguồn lực doanh nghiệp	3
2.16c	Khoa học dữ liệu cho kinh doanh	3
2.16d	Sáng tạo và thiết kế trong thời đại số	3
2.2. Kiến thức ngành		
Học phần bắt buộc		
2.17	Truyền thông kinh doanh	3
2.18	Đạo đức và văn hóa doanh nghiệp	3
2.19	Quản trị vận hành	3
2.20	Quản trị chiến lược	3
2.21	Quản trị Marketing	3
2.22	Quản trị nguồn nhân lực	3
Học phần tự chọn kiến thức ngành (Sinh viên lựa chọn 01 trong 02 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy)		
2.23a	Quản trị hiệu suất	3
2.23b	Quản trị tài chính doanh nghiệp	3
2.24a	Quản trị dữ liệu	3
2.24b	Phân tích dữ liệu lớn	3
2.3. Kiến thức chuyên ngành		
Học phần bắt buộc		
2.25	Hành vi tổ chức	3
2.26	Lãnh đạo	3
2.27	Khởi nghiệp kinh doanh trong thời đại số	3
2.28	Quản trị dự án	3
2.29	Quản trị chuỗi cung ứng	3
Học phần tự chọn kiến thức chuyên ngành (Sinh viên lựa chọn 01 trong 02 môn học thuộc 01 trong 02 nhóm sau đây để tích lũy)		
2.30a	Quản trị quan hệ khách hàng	3
2.30b	Quản trị sự thay đổi trong bối cảnh quốc tế hóa	3
2.31a	Marketing số	3
2.31b	Chiến lược kinh doanh số	3
2.32	Thực tập Tốt nghiệp	3
2.33	Khoá luận tốt nghiệp	9

10. Hướng dẫn thực hiện

10.1. Dạy và học trực tuyến: Tối đa 30% tổng khối lượng của chương trình đào tạo được thực hiện bằng lớp học trực tuyến.

10.2. Các môn học thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương và chuyên nghiệp được tổ chức giảng dạy trên cơ sở nâng cao, mở rộng so với Chương trình đào tạo đại học chính quy tiêu chuẩn và được giảng viên thể hiện cụ thể trong đề cương và kế hoạch thực hiện môn học.

10.3. Các môn học có yêu cầu thực hành, thực tập, nghiên cứu thực tế được tổ chức lồng ghép trong quá trình tổ chức giảng dạy môn học hoặc sau khi kết thúc môn học.

10.4. Ít nhất 40% khối lượng kiến thức ngành và chuyên ngành (tương đương 6 – 8 môn học) được tổ chức giảng dạy trực tiếp bằng tiếng Anh. Sinh viên được yêu cầu viết khóa luận tốt nghiệp, trong đó tối thiểu phần tóm tắt khóa luận được thể hiện bằng tiếng Anh hoặc khuyến khích viết khóa luận bằng tiếng Anh.

10.5. Chuẩn tin học

- Điều kiện để học học phần Tin học ứng dụng: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:

- (a) Sinh viên đạt yêu cầu trong kỳ kiểm tra trình độ Tin học đầu khóa do Trường tổ chức;
- (b) Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin cơ bản do Trường cấp;
- (c) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

- Chuẩn Tin học đầu ra: sinh viên đạt một trong các điều kiện sau đây:

- (a) Sinh viên có Chứng chỉ ứng dụng công nghệ thông tin nâng cao do Trường cấp;
- (b) Sinh viên có các chứng chỉ khác tương đương theo thông báo của Trường.

Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ để chứng minh trình độ tin học theo thông báo của Trường.

10.6. Chuẩn tiếng Anh

- Chương trình tiếng Anh tăng cường được tổ chức giảng dạy thành 5 học phần trong 2 năm đầu của khóa học, mỗi học phần có 4 đvtc kết hợp 4 kỹ năng: nghe, nói, đọc viết từ cấp độ thấp đến cao theo chuẩn IELTS hoặc tương đương.

- Điều kiện để học học phần tiếng Anh chuyên ngành: Sinh viên phải được chứng nhận đạt trình độ tiếng Anh tối thiểu tương ứng cấp độ 3/6 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo. Sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

- Chuẩn tiếng Anh đầu ra: Sinh viên phải đạt chuẩn đầu ra trình độ tiếng Anh tối thiểu ở bậc 4/6 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam, hoặc có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế tương đương theo danh mục Trường thông báo; sinh viên thực hiện nộp các chứng chỉ chứng minh trình độ ngoại ngữ theo thông báo của Trường.

10.7. Chương trình đào tạo kỹ năng mềm: Sinh viên phải hoàn thành chương trình đào tạo kỹ năng mềm bao gồm 8 tín chỉ. Nhà trường tổ chức chương trình với nhiều học phần kỹ năng mềm cần thiết cho phát triển các nhân và nghề nghiệp tương lai. Sinh viên không phải đóng học phí cho các học phần kỹ năng mềm. Các học phần kỹ năng mềm là điều kiện để xét công nhận tốt nghiệp, không được sử dụng để tính điểm trung bình chung tích lũy.

10.8. Nghiên cứu khoa học: Trong cả khóa học, mỗi sinh viên CTĐTCLC phải được công nhận hoàn thành hoạt động nghiên cứu khoa học theo Quy định về hoạt động nghiên cứu khoa học đối với sinh viên thuộc CTĐTCLC. Đây là một trong những điều kiện xét công nhận tốt nghiệp.


HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG




PGS.,TS. Nguyễn Đức Trung